

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện công tác Phòng, chống thiên tai trên địa bàn**  
**tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 - 2025**

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 03/10/2019 Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 về công tác phòng, chống thiên tai; Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai; Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 – 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

**I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

- Dựa trên cơ sở Kế hoạch Phòng, chống thiên tai này, địa phương, cơ quan đơn vị trong tỉnh chủ động xây dựng, rà soát kế hoạch, tổ chức thực hiện sát với tình hình thực tế nhằm xây dựng xã hội an toàn trước thiên tai.

**2. Yêu cầu**

- Thống nhất vai trò chỉ huy điều hành của Ban Chỉ huy các cấp và cơ chế phối hợp giữa các lực lượng tham gia phòng chống thiên tai trên địa bàn.

- Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.

- Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).

- Tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong tỉnh.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đặc biệt là công nghệ 4.0 phù hợp với công tác phòng, chống thiên tai trong tình hình mới.

- Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình nông thôn mới, Tăng trưởng xanh ... của địa phương.

- Sử dụng nguồn kinh phí có hiệu quả trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai; ưu tiên các giải pháp phi công trình, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực và nhận thức cho cộng đồng chủ động phòng, chống thiên tai.

- Có xét đến bối cảnh biến đổi khí hậu và khả năng xảy ra thiên tai cực đoan.

## **II- ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN - XÃ HỘI**

### **1. Đặc điểm tự nhiên**

Quảng Ninh có diện tích trên 610.000 ha, phía Tây giáp tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, phía Nam giáp tỉnh Hải Phòng; phía Đông Nam giáp biển Đông; phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn và có đường biên giới quốc gia giáp với nước CHND Trung Hoa. Quảng Ninh là tỉnh miền núi ven biển với 250 km bờ biển, trong đó 3/4 diện tích là đồi núi; có 30 con sông có chiều dài trên 10 km; trong đó đáng kể nhất có sông Ba Chẽ dài 80 km với diện tích lưu vực xấp xỉ 1.000 km<sup>2</sup>, sông Tiên Yên bắt nguồn từ Trung Quốc dài 82 km với diện tích lưu vực 1.070 km<sup>2</sup>, sông biên giới Ka Long có đoạn chính 65 km dọc biên giới Việt - Trung, diện tích lưu vực tính đến cửa sông là 772 km<sup>2</sup>, trong đó về phía Việt Nam có 99 km<sup>2</sup>... .

Bờ biển dài 250 km, có hơn 2.000 hòn đảo nổi trên mặt biển, với tổng diện tích là 620km<sup>2</sup>/6000 km<sup>2</sup> mặt nước. Với các đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý như vậy có nhiều yếu tố thuận lợi cho xây dựng và phát triển kinh tế, nhưng cũng có không ít khó khăn cho công tác PCTT và TKCN do mưa lũ, sạt lở đất, bão biển ...

### **2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội**

Theo số liệu thống kê dân số Quảng Ninh năm 2019 là 1.324.597 người (số liệu điều tra năm 2019), vào loại tỉnh trung bình trong cả nước. Dân số Quảng Ninh có mật độ bình quân 216 người/km<sup>2</sup> nhưng phân bố không đều. Vùng đô thị và các huyện miền tây rất đông dân, tập trung. Trong khi đó các huyện miền núi như Ba Chẽ, Bình Liêu dân số ít, phân bố rải rác.

<b>TT</b>	<b>Huyện, thành phố, thị xã</b>	<b>Dân số (nghìn người)</b>	<b>Diện tích (nghìn ha)</b>
1	Thành phố Hạ Long	322,710	111,913
2	Thành phố Móng Cái	108,553	51,959
3	Thành phố Cẩm Phả	190,232	38,652
4	Thành phố Uông Bí	120,982	25,546
5	Thị xã Đông Triều	171,673	39,658
6	Thị xã Quảng Yên	145,920	30,185
7	Huyện Vân Đồn	46,616	58,183
8	Huyện Tiên Yên	50,830	65,208
9	Huyện Bình Liêu	31,637	47,013
10	Huyện Ba Chẽ	22,103	60,652
11	Huyện Đầm Hà	41,217	32,691
12	Huyện Hải Hà	61,566	51,156
13	Huyện Cô Tô	6,285	5,005

*(Điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của BCD Tổng điều tra dân số và nhà ở TW)*

Với điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng như trên, tỉnh Quảng Ninh đã tập trung phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đa dạng hóa các loại hình du lịch, dịch vụ nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, có nhiều di tích lịch sử có giá trị, nhiều công trình văn hóa đặc sắc, nhiều lễ hội phong tục tập quán hấp dẫn như lễ hội du lịch biển Bãi Cháy, lễ hội chùa Yên Tử, du lịch thăm quan hang động Vịnh Hạ Long, du lịch nghỉ dưỡng tắm biển Trà Cổ...

Kinh tế du lịch và dịch vụ thương mại hàng năm có tăng trưởng cao, sản xuất công nghiệp đã từng bước ổn định và tăng trưởng. Công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến chế tạo đều tăng trưởng, đặc biệt, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng mạnh thể hiện sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng giảm công nghiệp khai khoáng, phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến. Sản lượng khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản có mức tăng trưởng khá; đến quý I/2020 đội tàu khai thác, đánh bắt xa bờ cả tỉnh có 239 chiếc và trên 10.200 ô lồng bè.

### **III- HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

## **1. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến PCTT**

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ninh được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh thành lập tại Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 30/7/2019.

- Ban hành Quy chế về công tác trực ban phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 18/5/2018; Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 18/5/2017; Qui định chế độ đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được huy động làm nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/12/2019.

- Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thiên tai ảnh hưởng thực tế đến địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các Chỉ thị chỉ đạo về công tác quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, chống bão, công tác phòng, chống và khắc phục thiệt hại do mưa, lũ trên địa bàn tỉnh, công tác phòng chống thiên tai và di dân ra khỏi vùng sạt lở, ngập lụt nguy hiểm.

## **2. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và quy chế phối hợp**

Hệ thống Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp được thành lập và hoạt động theo Luật Phòng, chống thiên tai, các qui định của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan (một số sở, ngành và đoàn thể đã tiến hành thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN của mình). Trưởng ban là Chủ tịch UBND các cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Các thành viên Ban Chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, chỉ đạo của Trưởng ban và các qui định, qui chế hiện hành.

Các Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tổ chức thường trực, chỉ huy việc phòng tránh, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai; tổng hợp, thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai báo cáo cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên. Khi có tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn, ngoài thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh sẽ có các chỉ đạo cụ thể, xuyên suốt theo từng tình huống.

Hàng năm, các Ban chỉ huy PCTT và TKCN họp tổng kết công tác PCTT và TKCN năm trước, triển khai nhiệm vụ của năm tiếp theo.

## **3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm**

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có khá nhiều các trạm khí tượng và đo mưa của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh và một số cơ đơn vị khác. Tuy nhiên phân bố không đều và số liệu không đồng bộ.

- Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh quản lý 11 trạm, trong đó 11 Trạm Khí tượng, Thủy văn, Hải văn, 11 điểm đo mưa, 03 điểm đo độ mặn. Ngoài ra, còn 10 điểm đo mưa do Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đặt tại thượng nguồn các hồ chứa nước, các điểm có nguy cơ cao trong tỉnh và 20 điểm chuyên dùng trong các đơn vị ngành Than và 19 điểm tại các Công ty TNHH 1TV Thủy lợi.

## **4. Vật tư, trang thiết bị phục vụ PCTT và TKCN**

Phương tiện, vật tư và trang thiết bị dự kiến huy động để phòng, tránh, ứng phó với bão, lụt gồm có phương tiện, vật tư và trang thiết bị của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và các sở, ban, ngành và phương tiện, trang thiết bị tại chỗ của các huyện, thị xã, thành phố. Tuy nhiên do diễn biến phức tạp của thiên tai trong thời gian qua nên khi cần thiết đã phải huy động, chi viện xe máy và các trang thiết bị chuyên dụng ở các cơ quan, doanh nghiệp.

*(Chi tiết tại Phụ lục 01 và 03 kèm theo)*

## **5. Công tác cứu hộ, cứu nạn**

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trực ban, chỉ huy, điều hành xử lý đối phó với các tình huống khẩn cấp về tìm kiếm cứu nạn trên đất liền. Trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án huấn luyện, diễn tập; bố trí lực lượng, phương tiện xung kích của tỉnh sẵn sàng hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng các địa phương, các ngành tham gia cứu hộ và xử lý các tình huống khẩn cấp về thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tổ chức trực ban, chỉ huy, điều hành, xử lý, đối phó với các tình huống khẩn cấp về tìm kiếm cứu nạn trên khu vực biên giới, vùng biển, đảo và tại các cửa khẩu cảng.

- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh chủ trì phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của đơn vị.

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, ngành, đơn vị sẵn sàng thực hiện phương án tìm kiếm cứu nạn theo địa bàn, lĩnh vực được phân công; tổ chức phối hợp, hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa bàn, lĩnh vực khác khi có yêu cầu; củng cố hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo cho nhân dân, tàu thuyền khi có tình huống thiên tai ảnh hưởng.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương ven biển thông tin liên lạc cảnh báo cho ngư dân, tàu thuyền và tổ chức quản lý, vận hành các khu neo đậu, tránh trú an toàn cho tàu thuyền.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức trực ban, chỉ huy, điều hành xử lý, ứng phó với các tình huống làm ách tắc, chia cắt giao thông trên các tuyến đường huyết mạch của tỉnh; Chỉ đạo Cảng vụ Đường thủy nội địa Quảng Ninh tạm ngừng cấp phép tàu tham quan du lịch trên biển, tàu vận tải hành khách ra các tuyến đảo khi không đảm bảo an toàn hoặc khi có chỉ đạo của UBND tỉnh.

## **6. Hệ thống thông tin liên lạc**

Thông tin liên lạc phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai sử dụng các mạng điện thoại thông thường, di động, fax, internet và điện thoại liên lạc vệ tinh IMASAT và IPVSAT (14 máy IP-VSAT và 07 máy Inmarsat). Cùng với việc sử dụng phần mềm nhắn tin SMS chuyên dụng cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, để nhận tin dự báo thời tiết hàng ngày, đăng ký dịch vụ nhắn tin SMS qua tổng đài tin nhắn “Cảng vụ\_QN” để nắm bắt tình hình thời

tiết. Việc sử dụng các mạng xã hội như Facebook, Zalo ... để nhắn tin thông báo, cảnh báo tình hình thiên tai cũng được thực hiện rộng rãi.

Ngoài ra, các xe thông tin lưu động của các doanh nghiệp Viễn thông sẽ được huy động để đảm bảo thông tin liên lạc tại các khu vực xảy ra thiên tai.

### **7. Nâng cao nhận thức cộng đồng**

- Tỉnh đã lập Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tập huấn và đánh giá về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho 05 xã thuộc 04 địa phương của tỉnh. Đào tạo được gần 50 Giảng viên cấp tỉnh về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng cho gần 1.000 người, bao gồm các thành viên Hội Chữ thập đỏ, cán bộ chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ Đoàn, người dân ven biển, đồng bào dân tộc ít người ...

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai, nhất là đối với các đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, ngư dân khai thác hải sản...

- Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

### **8. Cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai**

#### *a, Công trình Đê điều:*

Toàn tỉnh có 397,597 km đê, trong đó 33,67 km đê cấp III; 133,884 km đê cấp IV và 230,043 km đê cấp V. Thực hiện Chương trình đầu tư, củng cố, bảo vệ và nâng cấp hệ thống đê biển theo Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg, tỉnh đã phê duyệt 20 dự án, đến hết năm 2018 có 14 dự án đã hoàn thành, 02 dự án đang triển khai và 02 dự án chưa thực hiện, 02 dự án không thực hiện. Đáng kể nhất là Dự án Nâng cấp tổng thể đê Hà Nam thị xã Quảng Yên cơ bản hoàn thành nâng cấp được 33,67km (đạt 100%) đê cấp III chống chịu được với bão cấp 10 kết hợp triều cường 5%.

Ngoài hệ thống đê biển, còn có hệ thống đê sông có tổng chiều dài 47,613km, chủ yếu tập trung trên địa bàn thị xã Đông Triều. Do đưa vào sử dụng đã lâu, không được tu bổ, nâng cấp toàn diện và thường xuyên nên đã xuống cấp, một số chỗ không đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

#### *b, Công trình hồ chứa:*

Toàn tỉnh có 169 hồ chứa các loại, tổng dung tích thiết kế khoảng 359 triệu m<sup>3</sup>, đảm bảo cấp nước tưới cho hơn 50.000 ha đất canh tác. Trong đó có 20 hồ lớn và 39 hồ vừa. Một số hồ chứa đã được lắp đặt các trạm quan trắc, cảnh báo, các thiết bị phục vụ công tác điều hành hồ chứa, còn lại các hồ chứa nhỏ, được xây dựng đã lâu, không được thường xuyên tu bổ, bảo dưỡng nên đã hư hỏng, xuống cấp cần được đầu tư nâng cấp sửa chữa để đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra. Đặc biệt là các hồ chứa nằm gần các khu vực đông dân cư.

### *c, Hệ thống giao thông*

Mạng lưới giao thông của tỉnh rất phát triển với 02 tuyến cao tốc dài 87,65km; 07 tuyến, đoạn tuyến quốc lộ, tổng chiều dài 486,1 km; 22 tuyến đường tỉnh, tổng chiều dài 450 km; gần 4.000km đường huyện, xã, đô thị. Mạng lưới đường sắt với hai hệ thống: Đường sắt quốc gia Kép-Bãi Cháy (dài 84 km) và Đường sắt chuyên dùng ngành than (dài 93,5 km); 04 cảng biển (Mũi Chùa, Vạn Gia, Cái Lân, Cẩm Phả), 01 sân bay và 13 bến xe.

*d) Hạ tầng thông tin truyền thông:* Mạng lưới bưu chính được tập trung đầu tư phát triển, hệ thống bưu điện, bưu cục đã phủ kín toàn tỉnh, các dịch vụ bưu chính cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Lĩnh vực viễn thông và internet băng thông rộng phát triển mạnh, mạng truyền dẫn cáp quang đã đến hầu hết các xã phường, thị trấn trong tỉnh, đáp ứng được nhu cầu về thông tin liên lạc. Hoạt động phát thanh truyền hình và báo chí trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng được công tác tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương.

*e) Hạ tầng y tế:* Mạng lưới các bệnh viện từ trung ương đến tuyến tỉnh, các cơ sở khám chữa bệnh và y tế dự phòng được đầu tư mới, mở rộng và nâng cấp. Tất cả các xã, phường, thị trấn đều có trạm y tế. Tất cả các huyện đều có bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế huyện. Mạng lưới y tế có thể đáp ứng được nhiệm vụ cho công tác ứng cứu khi có thiên tai xảy ra.

*f) Các công trình có thể sử dụng làm nơi tập kết, sơ tán dân đến:* Nhà ở kiên cố của nhân dân; công trình công cộng bao gồm: Công trình giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông các cấp, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trường nghiệp vụ...); công trình y tế (bệnh viện, trạm y tế...); nhà ga, nhà đa năng, khách sạn, ký túc xá, trụ sở cơ quan...

### *g) Hệ thống các khu neo đậu, tránh trú bão:*

Theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 08 khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá. Hiện có khu neo đậu Cô Tô – Thanh Lân đã xây dựng xong và được công bố còn lại 04 khu đang được xây dựng, hoàn thiện nhưng chưa đưa vào công bố và 03 khu chưa được triển khai xây dựng. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 66 vị trí có khả năng neo đậu thuận lợi với diện tích gần 16,1km<sup>2</sup> để tàu thuyền về trú tránh. (Xem Phụ lục 02 kèm theo)

### *h) Công tác di dời dân cư ra khỏi những vùng sạt lở, ngập lụt nguy hiểm:*

Tỉnh đã hoàn thành thực hiện Đề án di dân tổng thể ra khỏi vùng sạt lở, ngập lụt nguy hiểm và quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025. Đến hết năm 2019, tổng số hộ dân đã di dời theo đề án 558/558 hộ đạt 100% kế hoạch. Ngoài ra, đối với dân cư ở 05 vùng trọng điểm và các địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng của Bão, Áp thấp nhiệt đới và mưa lớn cũng đã được lên phương án di dời khi có tình huống xảy ra. Việc rà soát, kiểm tra các hộ dân tại các vùng

có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai cũng được tiến hành thường xuyên và có phương án đảm bảo an toàn khi thiên tai xảy ra.

### **9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội**

- Ngay từ bước điều tra cơ bản, đánh giá thuận lợi, khó khăn, thách thức; xác định nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội phải có đánh giá rủi ro thiên tai.

- Khi định ra hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhất thiết phải tính toán đầy đủ đến các tác động của thiên tai và BĐKH. Phải tính đến các giải pháp chủ động phòng ngừa, ứng phó, khôi phục và tái thiết.

- Khi đưa ra các nhóm giải pháp thực hiện để đạt các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành cần phải lựa chọn, sàng lọc từ các giải pháp đã được nghiên cứu, đề xuất trong các Chương trình, Dự án để có được đầy đủ các giải pháp hợp lý nhất, lồng ghép hài hòa với nhau thành một thể thống nhất, đồng thời cũng cần chú ý loại bỏ những giải pháp chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch ngành với kế hoạch của địa phương.

- Các chương trình, dự án lớn đều phải được khuyến cáo về đánh giá rủi ro thiên tai, có đề xuất các giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quá trình thực hiện và trong giai đoạn vận hành, bảo trì. Các dự án có quy mô nhỏ đều phải có cam kết lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Việc lồng ghép toàn diện nhằm đảm bảo rằng các kế hoạch, chương trình phát triển và kể cả các tiểu dự án không tạo ra các hình thái thiên tai mới.

- Nguyên tắc, quy trình lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hiện theo Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### **11. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết**

- Việc phục hồi tái thiết được sự quan tâm, vào cuộc của các cấp, ngành và toàn bộ người dân.

- Công tác xác định kiểm tra, đánh giá thiệt hại được tiến hành đồng bộ có sự tham gia của các cấp chính quyền và người dân.

- Việc hỗ trợ thực hiện công khai minh bạch, chính xác. Vận dụng linh hoạt các chính sách và tổng hợp các nguồn lực cho việc phục hồi tái thiết.

- Đảm bảo hiệu quả và tính liên tục của quá trình phục hồi tái thiết.

## **IV- XÁC ĐỊNH RỦI RO THIÊN TAI**

### **1. Tình hình thiên tai**

Quảng Ninh có đường bờ biển chạy dọc theo chiều dài của tỉnh, hàng năm thường chịu ảnh hưởng trực tiếp từ 2-3 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, ngoài ra tỉnh cũng thường xuyên chịu ảnh hưởng của các loại hình: mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lớn, rét hại.

*Bão:* Là loại hình thiên tai thường xuyên ảnh hưởng đến tỉnh. Trận bão lịch sử năm 1955 đã gây vỡ đê Hà Nam thị xã Quảng Yên. Năm 2012, bão Sơn



Tỉnh; năm 2013 cơn bão có tên Haiyan (là cơn bão mạnh nhất) cũng gây ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Quảng Ninh.

*Lũ quét:* Các trận lũ quét xảy ra ở Bình Liêu (1985), Tiên Yên (1991) ... và lũ quét hỗn hợp xảy ra tại Trảng Lương thị xã Đông Triều, vào đêm 27/6, sáng ngày 28/6/2001 làm 8 người chết, sập 2 cầu, cuốn trôi 6 đập thời vụ, 1 tuyến kênh xây, sập đổ 3 nhà và vùi lấp 100 ha đồng ruộng.

*Lũ sông:* Chủ yếu ảnh hưởng đến hệ thống đê sông của thị xã Đông Triều. Năm 1971 đã xảy ra vỡ đê ở khu vực hai xã Bình Dương, Nguyễn Huệ làm ngập hàng ngàn ha lúa, phá hỏng nhiều nhà cửa và tài sản của nhân dân.

*Mưa lớn:* Đã gây ngập lụt tại các huyện Tiên Yên, Ba Chẽ năm 2008; mưa lớn ngày 30/10/2014 làm vỡ đập phụ hồ chứa nước Đầm Hà Động huyện Đầm Hà. Đợt mưa lũ lịch sử từ ngày 25/7 đến 05/8/2015 đã gây thiệt hại lớn cho Quảng Ninh nhất là tại các thành phố Hạ Long, Cẩm Phả, huyện Vân Đồn (đỉnh điểm có ngày lượng mưa lên tới 386,5mm).

## **2. Các đối tượng dễ bị tổn thương**

### *a) Con người*

- Trẻ em, người tàn tật, người già, phụ nữ, người nghèo;
- Người lao động hoạt động đánh bắt nuôi trồng thủy sản ven sông biển và trên biển;
- Cư dân, hộ gia đình sống tại các khu nhà cũ yếu, khu vực trũng thấp ven sông, ven biển, ven chân đồi núi, bãi thải có nguy cơ sạt lở.

### *b) Cơ sở hạ tầng*

- Công trình đê điều, thủy lợi, công trình giao thông, công trình hầm mỏ, hệ thống điện, viễn thông.
- Công trình chung cư cũ, nhà ở cũ, nhà tạm, nhà ven sông, ven biển, nhà ở khu vực trũng thấp, khu vực đồi núi, chân bãi thải có nguy cơ sạt lở...

### *c) Vùng có khả năng bị ngập lụt cục bộ*

- Một số tuyến phố tại thành phố Hạ Long, Cẩm Phả, Móng Cái, huyện Tiên Yên, Ba Chẽ, Hải Hà.

### *d) Các vùng trọng điểm:*

Toàn tỉnh có 05 vùng trọng điểm được xác định là: Vùng số 1: Đê Hà Nam, thị xã Quảng Yên; Vùng số 2: Dân cư vùng có nguy cơ sạt lở đất, đá và lũ quét; Vùng số 3: Dân cư và tàu thuyền trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long và vùng biển Quảng Ninh; Vùng số 4: Đê tả sông Kinh Thầy, thị xã Đông Triều; Vùng số 5: Hồ chứa nước Yên Lập, thị xã Quảng Yên. Hàng năm, tỉnh đều rà soát, cập nhật hoàn thiện phương án cụ thể bảo vệ 05 vùng trọng điểm trên đảm bảo phù hợp tình hình thực tế.

## **V- NỘI DUNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

### **1. Tổ chức phòng ngừa thiên tai**

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2025, ngoài những công việc đã triển khai trước mùa mưa bão, hàng năm tiếp tục tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

### ***1.1. Hoạt động thông tin, tuyên truyền***

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư; lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các chương trình, hoạt động của các cấp, các ngành và đoàn thể tại địa phương.

- Tăng cường phổ biến, tuyên truyền các chính sách, quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai; các kiến thức, kỹ năng và các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng tránh ứng phó của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh, công tác kiểm tra xử lý vi phạm giúp người dân hiểu đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, nhận thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi để hình thành ý thức chủ động về phòng, chống thiên tai trong các hoạt động.

- Cập nhật nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương thức tuyên truyền để phổ biến kiến thức phòng chống thiên tai đến cộng đồng phù hợp với tình hình tại địa phương; sử dụng các phương tiện truyền thông truyền thống kết hợp hiện đại, đảm bảo tính lưu động, có tiếp nhận thông tin phản hồi từ cộng đồng; từng bước đưa nội dung phòng chống thiên tai vào các hoạt động trong trường học.

### ***1.2. Nâng cao năng lực chỉ huy, chỉ đạo, đào tạo nguồn lực***

- Kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai các cấp theo nội dung của Nghị định 160/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; tăng cường trao đổi, chia sẻ, nâng cao năng lực phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tăng cường thực hiện đào tạo đội ngũ làm công tác phòng chống thiên tai đảm bảo đủ năng lực, trình độ khả năng tiếp nhận và ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến chuyên gia. Tổ chức xây dựng và củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã với nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ, từng bước nâng cao năng lực ứng phó thiên tai ở cơ sở.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho cơ quan chỉ huy, chỉ đạo phòng chống thiên tai các cấp, nâng cấp trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng yêu cầu công tác phòng, chống thiên tai trong tình hình mới; hiện đại hóa thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị đảm bảo an toàn và giám sát tàu thuyền hoạt động trên biển.

- Đào tạo, tập huấn cho lực lượng quản lý đê và lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai tại địa phương, từng bước nâng cao năng lực dân sự trong ứng phó thiên tai tại cơ sở. Diễn tập nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

### ***1.3. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai***

- Từng bước hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo hướng tự động hóa; đẩy mạnh xã hội hóa một số hoạt động khí tượng thủy văn, chú trọng xây dựng hoàn thiện hệ thống quan trắc chuyên ngành phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai đa mục tiêu, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng hiện có.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, công nghệ hỗ trợ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai theo thời gian thực;

- Nâng cao năng lực dự báo bão, áp thấp nhiệt đới, mưa, lũ, ngập lụt, đặc biệt là dự báo ngắn hạn phục vụ công tác chỉ đạo ứng phó.

#### ***1.4. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng***

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

- Thực thi có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai tại các cấp, nhất là cấp cơ sở; thúc đẩy phong trào xây dựng làng, xã an toàn trước thiên tai trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các hoạt động tại cộng đồng; tuyên truyền, phổ biến các kỹ năng về phòng chống thiên tai cho người dân.

- Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo kết hợp truyền thanh cơ sở; tổ chức cắm biển cảnh báo khu vực thiên tai nguy hiểm; xây dựng công trình công cộng đáp ứng yêu cầu sử dụng đa mục tiêu khi cần thiết (Nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng kết hợp nơi sơ tán dân, mặt bê tông kết hợp đường giao thông...).

- Hướng dẫn, động viên cộng đồng dân cư tích cực tham gia hoạt động phòng chống thiên tai tại địa phương; xác định các đối tượng, khu vực có nguy cơ cao chịu rủi ro do thiên tai để phòng tránh, có tính đến khả năng tiếp cận của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương ở từng vùng khác nhau.

- Từng bước thực hiện tuyên truyền, nâng cao kiến thức về thiên tai và phổ biến các kỹ năng phòng chống thiên tai trong các trường học, cộng đồng dân cư, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như phụ nữ, người già, trẻ em và người khuyết tật.

#### ***1.5. Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong phòng chống thiên tai***

- Hiện đại hóa công cụ hỗ trợ chỉ đạo điều hành đáp ứng yêu cầu ứng phó kịp thời, hiệu quả; đẩy nhanh kết nối trực tuyến giữa cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai cấp tỉnh và cấp huyện.

- Điều chỉnh thời vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật canh tác, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển giống cây trồng và vật nuôi phù hợp với đặc điểm của địa phương, thích ứng với thiên tai.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ, vật liệu mới trong xây dựng công trình

phòng chống thiên tai; điều chỉnh thời vụ, đổi mới kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu, diễn biến thiên tai ở địa phương.

- Hợp tác, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu trong hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thực hiện hiệu quả việc vận động, tiếp nhận, quản lý và phân phối viện trợ quốc tế trong phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai; thực hiện trao đổi cán bộ, xây dựng và thực hiện các mối quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, tập huấn ngắn hạn cho đội ngũ trực tiếp làm công tác phòng chống thiên tai.

#### **1.6. Đầu tư, nâng cao năng lực, khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng**

- rà soát, cập nhật, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch trung và dài hạn đã ban hành phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu và thực tế thiên tai tại địa phương; khẩn trương triển khai các chương trình, đề án, dự án về phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt.

- Đầu tư củng cố nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa nước, nơi neo đậu tàu thuyền trú tránh bão; kịp thời sửa chữa, khắc phục sạt lở, sự cố đê điều hồ đập, các công trình phòng chống thiên tai; nâng cao khả năng tiêu thoát nước, nhất là các khu vực thường xảy ra ngập lụt và vùng có khả năng ngập lụt cục bộ, các dự án thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, kế hoạch trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng thay thế..., Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2030 ...; tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, rừng phòng hộ ngoài đê nhằm phát huy tác dụng phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tiếp nhận, xử lý thông tin kịp thời, hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Nâng cao mức đảm bảo an toàn chống lũ cho hệ thống đê điều, hồ chứa nước xung yếu; thực hiện nghiêm quy định về quản lý an toàn đập; giám sát vận hành hồ chứa và đảm bảo thông tin cho người dân vùng hạ du khi xả lũ. Hoàn thành lắp đặt các trạm quan trắc tại các công trình bắt buộc phải quan trắc khí tượng thủy văn.

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai, công trình cảnh báo thiên tai theo các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt.

- Thực hiện lồng ghép phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; kiểm tra, xử lý công trình làm gia tăng rủi ro thiên tai; điều chỉnh quy hoạch, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình thiên tai của địa phương, giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất, đảm bảo sinh kế bền vững.

#### **1.7. Đối với 5 vùng trọng điểm trên địa bàn tỉnh đã được xác định:**

Vùng số 1: Đê Hà Nam, thị xã Quảng Yên; Vùng số 2: Dân cư vùng có nguy cơ sạt lở đất, đá và lũ quét; Vùng số 3: Dân cư và tàu thuyền trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long và vùng biển Quảng Ninh; Vùng số 4: Đê tả sông Kinh Thầy, thị xã Đông Triều; Vùng số 5: Hồ chứa nước Yên Lập thị xã Quảng Yên cần

triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống, giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai nhằm hạn chế thiệt hại về người và tài sản đảm bảo sinh kế bền vững phù hợp với tập quán của người dân.

## **2. Phương án ứng phó thiên tai**

Theo các quy định tại Điều 26, Mục 2, Chương II của Luật Phòng, chống thiên tai, cụ thể như sau:

2.1. Biện pháp cơ bản ứng phó đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được quy định như sau:

a) Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

b) Di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác để bảo đảm an toàn;

c) Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;

d) Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;

đ) Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;

e) Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, trên biển, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;

g) Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

h) Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

i) Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

k) Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

Ngoài ra, thực hiện theo Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các địa phương, đơn vị hàng năm tùy theo tình hình và đặc điểm của địa phương để bổ sung cho phù hợp.

Phương tiện và nhân lực huy động khi có Bão và Áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào địa bàn Tỉnh.

TT	Địa phương	Số người sơ tán (người)	Lực lượng huy động (người)	Xe khách (chiếc)	Xe cơ giới (chiếc)	Tàu, xuồng (chiếc)
1	Cẩm Phả	6.406	3.154	57	170	27
2	Hải Hà	5.889	711	10	33	10
3	Đầm Hà	1.870	1.392	12	106	123
4	Quảng Yên	50.347	2.664	79	95	7
5	Móng Cái	17.425	12.000	36	54	14
6	Cô Tô	1.150	300	20	15	5
7	Hạ Long	2.748	2.083	35	83	30
8	Tiên Yên	3.344	1.766	32	136	321
9	Vân Đồn	21.352	1.776	12	205	111
10	Uông Bí	4.605	1.039	25	33	12
	<b>Tổng</b>	<b>115.136</b>	<b>26.885</b>	<b>398</b>	<b>930</b>	<b>660</b>

**2.2.** Biện pháp cơ bản ứng phó đối với hạn hán và xâm nhập mặn được quy định như sau:

- a) Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn;
- b) Vận hành hợp lý hồ chứa nước, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;
- c) Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;
- d) Tổ chức quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống cụ thể.

**2.3.** Biện pháp cơ bản ứng phó đối với sương muối, rét hại được quy định như sau:

- a) Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương;
- b) Triển khai chống rét và bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc;
- c) Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

**2.4.** Biện pháp cơ bản ứng phó đối với động đất, sóng thần được quy định như sau:

- a) Chủ động trú, tránh, bảo đảm an toàn khi xảy ra động đất;
- b) Chủ động sơ tán ra khỏi khu vực chịu ảnh hưởng của sóng thần;
- c) Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương;

d) Bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm khác cho người dân bị ảnh hưởng;

đ) Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

**2.5.** Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác thì căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

## **VI- LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

- Các ngành và địa phương đánh giá các tác động thiên tai và giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

- Rà soát, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, khu đô thị, khu dân cư, tích hợp nội dung phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vào quy hoạch và việc xây dựng chương trình phát triển đô thị. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, phát triển đô thị, phòng chống thiên tai, công trình thủy lợi, đê điều.

- Thay đổi diện tích đất sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước; sử dụng các giống chịu hạn, sinh trưởng nhanh, đặc biệt là các giống cây bản địa, những cây giống ngắn ngày, khỏe chịu khô hạn có hiệu quả kinh tế cao.

- Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình bảo vệ và trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển. Khai thác sử dụng đất hợp lý, nâng cao chất lượng, diện tích rừng đặc biệt là vùng đất dốc, rừng đầu nguồn.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phòng tránh thiên tai kết hợp đa mục tiêu như: củng cố, bảo vệ và nâng cấp hệ thống đê bao kết hợp đường giao thông, cống, đập ngăn mặn giữ ngọt và tiêu úng; hệ thống thủy lợi được đầu tư, kết nối với nhau thành mạng thủy lợi liên thông, hệ thống tiêu thoát lũ, khu neo đậu tránh trú cho tàu cá...; các công trình công cộng như Nhà văn hóa, Trụ sở, Hội trường... kết hợp phục vụ cho việc di dân tránh bão lụt tại các cộng đồng dân cư trong khu vực.

- Phát triển và sử dụng các công nghệ mới, tiên tiến có giá trị kinh tế cao, tiêu tốn ít nhiên liệu; sử dụng vật liệu xây dựng mới bền vững và thân thiện với môi trường trong xây dựng các công trình.

- Áp dụng công nghệ trong việc giám sát, dự báo và quản lý, điều hành công tác phòng, chống thiên tai cũng như quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tổng hợp và đa mục tiêu các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Lồng ghép trong giáo dục, tăng cường phổ biến kiến thức, đưa các thông tin về thiên tai, môi trường, biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan vào các chương trình giảng dạy, ngoại khóa, các cuộc thi, tìm hiểu, trên các phương tiện thông tin đại chúng, giúp người dân sớm hiểu biết về thiên tai, biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của nó như thế nào để từ đó có những giải pháp, kinh

nghiệm thích ứng và giảm nhẹ đảm bảo ổn định cuộc sống.

- Tiếp tục lồng ghép các nội dung về phòng chống thiên tai vào các chương trình như: Tăng trưởng Xanh, Nông thôn mới ...

## **VII- XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

### **1. Nguồn lực**

#### **1.1 Nguồn nhân lực**

1. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn là lực lượng tại chỗ thực hiện hoạt động phòng, chống thiên tai.

2. Dân quân tự vệ là lực lượng tại chỗ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

3. Lực lượng vũ trang (các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân) trên địa bàn có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và là lực lượng nòng cốt trong công tác sơ tán người, phương tiện, tài sản, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội theo sự điều động của người có thẩm quyền.

4. Tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền.

#### **1.2 Vật tư, phương tiện, thiết bị, hệ thống thông tin, nhu yếu phẩm**

- Vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động phòng, chống thiên tai bao gồm: vật tư, phương tiện, trang thiết bị của Nhà nước; huy động của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự chuẩn bị.

- Hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước và hoạt động phòng, chống thiên tai bao gồm:

- Cơ sở hạ tầng thông tin gồm hệ thống thông tin công cộng và trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai; thiết bị quan trắc tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm;

- Cơ sở dữ liệu về thông tin gồm cơ sở dữ liệu về khí tượng, thủy văn, hải văn, động đất, sóng thần; cơ sở dữ liệu về thiên tai và thiệt hại thiên tai; cơ sở dữ liệu về hệ thống công trình phòng, chống thiên tai; cơ sở dữ liệu về công trình hạ tầng có liên quan đến phòng, chống thiên tai; số liệu quan trắc và truyền phát tự động tại thời điểm thiên tai đang diễn ra.

- Nhu yếu phẩm của tổ chức, cá nhân và hàng hóa, vật tư, thiết bị thuộc dự trữ quốc gia của cơ quan nhà nước phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai bao gồm lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, hóa chất, thiết bị xử lý nước, thuốc khử trùng và vật phẩm cần thiết khác để bảo đảm đời sống nhân dân khi thiên tai xảy ra.

#### **1.3 Nguồn tài chính cho phòng, chống thiên tai bao gồm:**

- Ngân sách nhà nước;

- Quỹ phòng, chống thiên tai;



- Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác.

## **2. Tiến độ thực hiện**

### **2.1 Xây dựng Kế hoạch Phòng chống thiên tai các cấp**

Thực hiện theo Mục 4, Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai như sau:

- Xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai cấp tỉnh theo Điều 20, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

- Xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai cấp huyện theo Điều 21, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

- Xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai cấp xã theo Điều 22, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

### **2.2. Phân công, phân cấp ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai**

Thực hiện theo Mục 2, Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai như sau:

- Thiên tai cấp độ 1: Xây dựng phương án ứng phó thiên tai chủ yếu ở cấp xã, cấp huyện theo Điều 7, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

- Thiên tai cấp độ 2: Phương án ứng phó thiên tai được xây dựng từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh theo Điều 8 Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

- Thiên tai cấp độ 3: Phương án ứng phó thiên tai được xây dựng từ cấp xã đến cấp Trung ương theo Điều 9 Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

- Thiên tai cấp độ 4:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương, tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- Ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai (vượt cấp độ 4): việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

## **VIII- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:**

- Căn cứ theo Luật Phòng, chống thiên tai và các qui định, hướng dẫn của trung ương, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản để thực hiện đúng theo quy định và phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế của tỉnh, giúp cho công tác phòng, chống thiên tai đạt hiệu quả.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Khoản 1 điều 43 của Luật Phòng, chống thiên tai.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoạt động PCTT và TKCN, chỉ huy, điều hành trong phạm vi toàn tỉnh; tham mưu các giải pháp công trình và phi công trình trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai.

- Chủ trì thực hiện các chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt; Kiểm tra đôn đốc các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, thị xã thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của ngành; là cơ quan thường trực về PCTT của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, chủ trì thực hiện các chương trình, kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc tăng cường công tác phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch của các ngành, địa phương, đơn vị.

**3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:** Thường trực công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ của tỉnh; chủ trì huy động lực lượng vũ trang hiệp đồng nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án huấn luyện, diễn tập trong ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt xây dựng lực lượng tại chỗ bố trí lực lượng, phương tiện của tỉnh hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng, các địa phương, các ngành xử lý các tình huống khẩn cấp về sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn (đặc biệt 5 vùng trọng điểm của tỉnh). Chỉ đạo Đội Thường trực Cứu hộ, cứu nạn trên vịnh Hạ Long thực hiện tốt nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn.

**4. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:** Chủ trì, phối hợp Cảnh vụ Hàng hải Quảng Ninh, các đơn vị thuộc Quân khu III đóng quân trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án tìm kiếm cứu nạn trên khu vực biên giới, vùng biển, đảo; tổ chức trực ban, chỉ huy, điều hành xử lý các tình huống về tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn biên giới.

**5. Công an tỉnh:** Chủ trì thực hiện phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai; huy động lực lượng, vật tư, phương tiện của lực lượng công an tham gia công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

**6. Sở Giao thông vận tải:** Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án huy động phương tiện vận chuyển nhân lực, vật tư, thiết bị phục vụ xử lý các tình huống khẩn cấp; xây dựng và thực hiện kế hoạch, phương án đảm bảo giao

thông; bảo đảm an toàn cho người, phương tiện trên các tuyến giao thông đường thủy, đường bộ. Tham gia phối hợp Công an tỉnh điều hành đảm bảo trật tự an toàn giao thông khi có tình huống thiên tai xảy ra.

**7. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chủ trì tham mưu xây dựng phương án quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là việc quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông, ven biển tại những khu vực có nguy cơ làm gia tăng rủi ro thiên tai. Phát triển hệ thống quan trắc, đo đạc, giám sát khí tượng, thủy văn, phục vụ công tác dự báo, cảnh báo. Thực hiện chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu. Huy động nguồn lực để phục hồi, có phương án xử lý môi trường khi có sự cố, thiên tai xảy ra.

**8. Sở Thông tin - Truyền thông:** Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Truyền thông tỉnh, Đài Thông tin Duyên hải chỉ đạo đơn vị trực thuộc, phối hợp với các mạng viễn thông trên địa bàn đảm bảo thông tin liên lạc; ưu tiên chuyển phát thông tin dự báo, cảnh báo và thông tin chỉ đạo phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

**9. Sở Xây dựng:** Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương kiểm tra nhà, xưởng, công trình công cộng, trường học, chung cư xuống cấp không bảo đảm an toàn; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai theo lĩnh vực quản lý của ngành. Phối hợp với UBND các địa phương và các đơn vị liên quan rà soát lập phương án di dân tại các nơi có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai.

**10. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì tổ chức thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác sửa chữa, tu bổ, nâng cấp các công trình phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

#### **11. Các Sở: Công Thương, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội:**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án dự trữ phương tiện, lương thực, thực phẩm, mặt hàng thiết yếu, thuốc phòng chữa bệnh dịch, cứu trợ cho nhân dân; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả cho các vùng thiên tai.

- Hướng dẫn UBND các địa phương giải quyết các chế độ chính sách, chế độ trợ cấp đột xuất cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai theo qui định hiện hành.

**12. Sở Du lịch:** Có phương án quản lý khách du lịch tuyến đảo trước khi có thiên tai xảy ra. Phối hợp với các địa phương, đơn vị trong việc đảm bảo an toàn cho du khách, tổ chức đưa đón khách du lịch về đất liền, không để xảy ra tình trạng ùn ứ khách du lịch tại tuyến đảo khi thiên tai xảy ra.

**13. Sở Khoa học và Công nghệ:** Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, tiên bộ kỹ thuật vào phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện các giải pháp công nghệ hiệu quả, phù hợp với điều kiện của tỉnh phục vụ quản lý thiên tai, giám sát, cảnh báo thiên tai trọng tâm là mưa lớn, lũ quét và sạt lở đất.

**14. Công ty Điện lực Quảng Ninh:** Đảm bảo an toàn điện trong thiên tai; khắc phục sửa chữa kịp thời khi xảy ra sự cố; đảm bảo cấp điện 24/24 giờ phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy, cảnh báo, dự báo thiên tai, các trạm bơm chống úng, hạn; đảm bảo an toàn điện trong thiên tai; khắc phục sửa chữa kịp thời khi xảy ra sự cố.

**15. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh:** Tăng cường, nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; có chế độ thông tin đặc biệt cho các cơ quan chỉ huy, tham mưu khi có thiên tai.

**16. Trung tâm Truyền thông tỉnh:** Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức phát tin cảnh báo, thông tin diễn biến thiên tai trên địa bàn; các chỉ đạo của trung ương và của tỉnh về công tác chỉ đạo ứng phó cũng như đưa tin về công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các chuyên đề, chương trình tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

**17. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc phòng:** Phối hợp chặt chẽ với các địa phương xây dựng phương án phòng chống thiên tai, chống ngập úng, sạt lở đất tại bãi thải gần khu dân cư. Chỉ đạo các Công ty thành viên đẩy nhanh thực hiện Đề án môi trường cấp bách ngành than và tham gia huy động phương tiện, thiết bị phục vụ cho PCTT và TKCN khi có yêu cầu. Phối hợp với các địa phương, đơn vị trong việc tiếp tục rà soát, tổ chức di dân ra khỏi các vùng nguy hiểm, cạnh các khai trường khai thác than, chôn các bãi thải mỏ.

**18. Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:** Tham dự họp sơ kết, tổng kết, triển khai kế hoạch phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại địa phương được phân công phụ trách; ngoài nhiệm vụ đại diện cho sở, ngành, đơn vị còn phải phụ trách địa bàn, lĩnh vực được phân công, chịu trách nhiệm độc lập và phối hợp kiểm tra, đôn đốc địa phương, cơ sở thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; trực tiếp chỉ đạo khi có thiên tai xảy ra theo nhiệm vụ đã được Trưởng ban phân công.

**19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội, Hội Chữ thập đỏ tỉnh:** Xây dựng kế hoạch tham gia ứng phó và cứu trợ nhân đạo khi có thiên tai; phối hợp với các địa phương, đơn vị trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai.

**20. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố:** Chủ động rà soát điều chỉnh hàng năm kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương; tổ chức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn xây dựng kế hoạch hiệp đồng thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, rà soát phát hiện các vị trí xung yếu trên địa bàn để đề xuất giải pháp phòng ngừa và ứng phó đảm bảo an toàn; tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai

và tìm kiếm cứu nạn; vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân tự thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai.

Do tác động của biến đổi khí hậu, diễn biến thời tiết, thiên tai ngày càng phức tạp, khó lường, trong quá trình thực hiện Kế hoạch các Sở, ngành và các tổ chức, đơn vị, đoàn thể trên địa bàn tỉnh cần nghiên cứu, cập nhật và đề xuất sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn các địa phương, đơn vị; gửi ý kiến trực tiếp về cơ quan thường trực phòng chống thiên tai của tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp và tham mưu đề xuất./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các địa phương;
- TT truyền thông Tỉnh;
- V0, V2, TM1, TH4;
- Lưu: VT, NLN1 (15b-KH17)

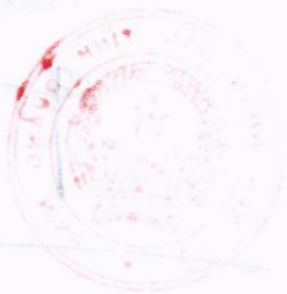
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Huy Hậu**

Việc làm này...  
hình thức...  
Do đó...  
phần...  
chức...  
đội...  
bộ...  
P.T.M. là...

...  
...  
...



*[Handwritten signature]*

...

- 
- 
- 
- 
- 
- 
- 
-

# Phụ lục 01: NGUỒN LỰC, VẬT TƯ PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PCTT VÀ TKCN CỦA TỈNH NĂM 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 106 /KH-UBND ngày 11 / 6 / 2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



TT	ĐỐI TƯỢNG	ĐVT	TỔNG CỘNG	TP Hạ Long	TP Móng Cái	TP Cẩm Phả	TP Uông Bí	Thị Xã Quảng Yên	Thị Xã Đông Triều	Huyện Vân Đồn	Huyện Tiên Yên	Huyện Đầm Hà	Huyện Hải Hà	Huyện Cô Tô	Huyện Bình Liêu	Huyện Ba Chẽ	Biên Phòng Tỉnh	Công An Tỉnh	BCH Quân sự	Sở NN và PTNT
<b>I</b>	<b>Vật tư</b>																			
1	Đá hộc	m3	15.814		54	170	2.200	9.727	2.226		86			95			150			1.106
2	Đá dăm, sỏi	m3	3.426		496	240	-	1.940	500								250			
3	Cát	m3	8.273		940	395	1.000	5.088	500								350			
4	Đất	m3	10.695		-	455		6.740	2.500			500					500			
5	Rọ Thép	cái	3.684	50	51	265		2.515	230		193			120	160	50	50			
6	Bao Tải	chiếc	194.345	2.560	11.700	4.800	9.100	10.840		4.000	5.500	9.000	5.100		2.000		100		16.500	113.145
7	Vải bạt	m2	65.250	5.090		3.250	540	1.500	750		2.320	600	8.000	700			200			42.300
8	Vải lọc	m2	3.575	3.575																
9	Tôn lợp	m2	20.380			1.830		18.300	200								50			
10	Các vật tư khác		14.408	1.000					3.770		5.988	3.650								
<b>II</b>	<b>Trang thiết bị</b>																			
1	Nhà bạt		723																	
	Nhà bạt cứu sinh	cái	682	84	12	20	8	30	5	2	37	26	32	16	17	23	15	14	323	18
	Nhà bạt huy động	cái	41																	
2	Phao áo cứu sinh	cái	15.954	1.283	445	3.160	830	450	172	850	610	355	200	350	302	485	1.400	268	3.660	1.134
3	Phao tròn cứu sinh	cái	16.723	1.397	345	385	715	700	503	1.300	695	325	700	300	368	140	800	11	6.649	1.390
4	Phao bè	cái	322	30		20		10		20				15			5		220	2
5	Máy phát điện	cái	227	13	16	62	-	21	44	15	12		18	3	1	9	1	3	9	
6	Áo mưa chuyên dụng	cái	3.743	694	183	710	165	1.405	260	35	-		35		56		200	-		
7	Flycam	cái	978			-		5	-		-	2						970	1	
8	Loa cầm tay	cái	305	58		52		80	22	5	2	6	1		3	12	10	37	17	
9	Dây thừng	m	34.625	2.220		2.480	200	21.400	2.625		1.800		200	200		700	1.200		1.600	
10	Máy Icom	cái	44			10		1	-		-	1					17		15	
11	Các trang thiết bị khác		3.371	2.388		460			-	50	-	36	150	64	187		36			
<b>III</b>	<b>Phương tiện</b>																			
1	Xe cứu hộ các loại	chiếc	57	7		23		15	5		-						-	7		
2	Xe chữa cháy	chiếc	52	5		3	5	12	1	2	-		2	1			-	21		
3	Ca nô, Tàu, thuyền cứu nạn	chiếc	96	6	19	3	5	5	6	10	3		5	5			12	17		



TT	ĐỐI TƯỢNG	ĐVT	TỔNG CỘNG	TP Hạ Long	TP Móng Cái	TP Cẩm Phả	TP Uông Bí	Thị Xã Quảng Yên	Thị Xã Đông Triều	Huyện Vân Đồn	Huyện Tiên Yên	Huyện Đầm Hà	Huyện Hải Hà	Huyện Cô Tô	Huyện Bình Liêu	Huyện Ba Chẽ	Biên Phòng Tỉnh	Công An Tỉnh	BCH Quân sự	Sở NN và PTNT
4	Ôtô có thể huy động	cái	2.184	84	39	381	-	876	172	127	131	11	64	20	55	104	18	79	23	
5	Xe 45 chỗ	cái	144	24	17	48	36	3	8		5	2			1		-	-		
6	Xe 25-29 chỗ	cái	368	46	25	61	25	83	17	3	66	9	10		13		2	7	1	
7	Xe 16 chỗ	cái	278	48	40	65		61	17	9	14		8		8		2	4	2	
8	Xe 4-7 chỗ	cái	1.481	98	211	207		729	41	5	20	10	25		33		14	68	20	
9	Ôtô tải có thể huy động	cái	1.246	112	111	151	32	286	163	110	110	100	21	5	39		2		4	
10	Xe máy (ủi, xúc) có thể huy động	cái	454	26	39	56	12	106	79	35	38	20	13	2	14	14	-			
11	Xe cứu thương	cái	36	2		5	4	2	4	1	3	1	3		5	2	1	2	1	
<b>IV</b>	<b>Nhân lực</b>		<b>56.915</b>	<b>9.598</b>	<b>4.119</b>	<b>5.111</b>	<b>4.134</b>	<b>10.968</b>	<b>6.095</b>	<b>1.720</b>	<b>1.743</b>	<b>5.078</b>	<b>1.726</b>	<b>487</b>	<b>2.589</b>	<b>2.499</b>	<b>50</b>	<b>500</b>	<b>478</b>	<b>20</b>
1	Quân đội (tỉnh đội, huyện đội)	người	5.120	1.183	88	35	277	1.500	665	482	50	65	260	27	74	74			340	
2	Bộ đội biên phòng	người	500	100	150	25	-	20	-	30	-	25	30	40	30	-	50			
3	Công an	người	2.340	370	77	138	70	320	150	105	50	224	29	35	136	136		500		
4	Y tế	người	1.316	224	43	81	94	244	112	24	44	178	18	14	109	131				
5	Thanh niên tǎnh nguyện	người	4.095	630	251	565	366	370	293	160	280	399	200	40	214	327				
6	Doanh nghiệp huy động	người	6.836	679	84	1.322	1.025	2.350	750	200	44	56	150	5	64	107				
7	Hội chữ thập đỏ	người	1.298	70	57	281	-	201	251	12	2	152	16	4	114	-			138	
8	Dân quân tự vệ	người	7.604	1.325	267	799	1.826	720	799	150	220	543	370	92	124	369				
9	Hội phụ nữ	người	2.792	315	51	486	30	318	740	12	140	397	16	4	114	169				
10	Lực lượng xung kích	người	3.934	279	63	216	147	1.410	789	120	280	60	160	50	260	100				
11	Hội nông dân, đoàn thể khác	người	7.870	694	1.833	475	87	1.206	420	15	200	2.627	50	10	233	20				
12	Thành viên Ban chỉ huy, Văn phòng TT	người	506	67	50	36	33	45	29	35	44	37	34	38	31	27				
13	Cán bộ công nhân việc chức	người	6.055	1.854	213	84	63	563	452	262	266	84	284	25	996	889				20
14	Lực lượng quản lý đê chuyên trách	người	13	9	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-				
15	Lực lượng quản lý đê nhân dân	người	255	33	42	55	16	17	16	13	23	28	9	3	-	-				
16	Lực lượng khác	người	6.381	1.766	850	513	100	1.680	629	100	100	203	100	100	90	150				





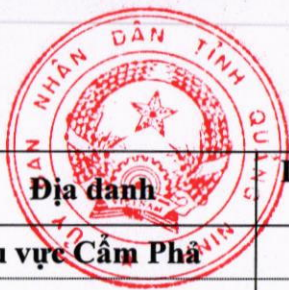
**Phụ lục 02: CÁC VỊ TRÍ TỰ NHIÊN CÓ ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO TÀU THUYỀN TRÁNH TRÚ BÃO**

(Kèm theo Kế hoạch số 106 /KH-UBND ngày 11 / 6 / 2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Địa danh	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Tọa độ	MNTB (m)	TT	Địa danh	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Tọa độ	MNTB (m)
<b>I</b>	<b>Khu vực Móng Cái</b>				<b>IV</b>	<b>Khu vực Hạ Long</b>			
1	Bến cảng Dân Tiến	0,014	107 <sup>0</sup> 49'59"; 21 <sup>0</sup> 31'10"	3,3	1	Vụng Ba Hang	0,03	107 <sup>0</sup> 01'03"; 20 <sup>0</sup> 54'03"	3,4
2	Bến nhánh sông cầu máng Hải Xuân	0,15	107 <sup>0</sup> 57'49"; 21 <sup>0</sup> 30'20"	2,3	2	Cột 3	1,2	107 <sup>0</sup> 05'49"; 20 <sup>0</sup> 56'39"	3,1
3	Vụng Cái Vĩnh	0,1	107 <sup>0</sup> 54'00"; 21 <sup>0</sup> 22'54"	2,3	3	Cột 5	0,98	107 <sup>0</sup> 06'19"; 20 <sup>0</sup> 56'11"	3,3
4	Vụng cảng Vạn Gia đảo Vĩnh Thục	0,02	107 <sup>0</sup> 54'00"; 21 <sup>0</sup> 22'54"	2,6	4	Cảng Hải quân (Cột 8)	0,25	107 <sup>0</sup> 08'06"; 20 <sup>0</sup> 56'37"	4,2
<b>II</b>	<b>Khu vực Hải Hà</b>				5	Vụng Bò Nâu	0,05	107 <sup>0</sup> 05'10"; 20 <sup>0</sup> 51'03"	4,6
1	Sông Hà Cối	0,105	107 <sup>0</sup> 45'46"; 21 <sup>0</sup> 26'54"	2,4	6	Sừng Sốt	0,025	107 <sup>0</sup> 05'19"; 20 <sup>0</sup> 50'47"	3,9
2	Vụng Cái Chiên	0,02	107 <sup>0</sup> 43'00"; 21 <sup>0</sup> 18'50"	2,8	7	Khu vực Tùng Sâu (Ngọc Trai)	0,048	107 <sup>0</sup> 05'51"; 20 <sup>0</sup> 50'28"	4,2
<b>III</b>	<b>Khu vực Đầm Hà</b>				8	Cảng nhà máy đóng tàu Hạ Long	0,045	107 <sup>0</sup> 00'53"; 20 <sup>0</sup> 59'29"	3,6
1	Bến Đầm Buôn	0,091	107 <sup>0</sup> 36'51"; 21 <sup>0</sup> 19'42"	3,1	9	Cảng than Việt Hưng	0,04	107 <sup>0</sup> 02'17"; 20 <sup>0</sup> 59'46"	3,5
2	Khu vực xã Đại Bình	0,045	107 <sup>0</sup> 33'39"; 21 <sup>0</sup> 19'43"	2,2	<b>V</b>	<b>Khu vực Đông Triều</b>			
3	Khu vực Xóm Giáo	0,132	107 <sup>0</sup> 35'56"; 21 <sup>0</sup> 19'02"	2,4	1	Bến Đạm	0,0062	106 <sup>0</sup> 29'21"; 210 <sup>0</sup> 5'28"	2,5
4	Bến Phúc Tiến	0,08	107 <sup>0</sup> 34'13"; 21 <sup>0</sup> 18'59"	2,4	2	Bến Cầm	0,012	106 <sup>0</sup> 31'28"; 210 <sup>0</sup> 4'18"	2,6
5	Vụng sù Thoi dây *	0,23	107 <sup>0</sup> 35'54"; 21 <sup>0</sup> 13'53"	1,9					



TT	Địa danh	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Tọa độ	MNTB (m)	TT	Địa danh	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Tọa độ	MNTB (m)
VI	<b>Khu Vân Đồn – Cô Tô</b>								
1	Khu vực Xà kẹp	0,05	107 <sup>00</sup> 1'03"; 21 <sup>00</sup> 05'30"	3,3	12	Vụng Sâu, xã Quan Lan	0,4	107 <sup>00</sup> 30'00"; 20 <sup>00</sup> 53'21"	1,4
2	Vụng Hồng Vân	0,4	107 <sup>00</sup> 46'35"; 20 <sup>00</sup> 59'58"	2,8	13	Đầm Tàu, xã Ngọc Vũng	0,02	107 <sup>00</sup> 20'54"; 20 <sup>00</sup> 49'06"	1,3
3	Bến Quan Lạn	0,15	107 <sup>00</sup> 29'30"; 21 <sup>00</sup> 04'45"	4,1	14	Cái Tặc, xã Ngọc Vũng	0,01	107 <sup>00</sup> 22'11"; 20 <sup>00</sup> 48'31"	1,0
4	Bến Thắng Lợi	0,6	107 <sup>00</sup> 18'37"; 20 <sup>00</sup> 53'32"	3,9	15	Áng Giã, xã Thắng Lợi	0,35	107 <sup>00</sup> 18'37"; 20 <sup>00</sup> 54'17"	3,3
5	Phía Đông cảng Cái Rông	0,35	107 <sup>00</sup> 25'10"; 21 <sup>00</sup> 03'50"	4,3	16	Vụng Tùng Con, xã Thắng Lợi	1,0	107 <sup>00</sup> 20'56"; 20 <sup>00</sup> 53'11"	2,1
6	Cống Yên	0,36	107 <sup>00</sup> 20'14"; 20 <sup>00</sup> 51'29"	5,8	17	Lạch Cống Đông, xã Thắng Lợi	0,3	107 <sup>00</sup> 18'75"; 20 <sup>00</sup> 53'22"	4,0
7	Bến Chiến Thắng	0,12	107 <sup>00</sup> 20'19"; 20 <sup>00</sup> 51'29"	4,2	18	Cống Lão Vọng, xã Hạ Long	0,18	107 <sup>00</sup> 31'76"; 20 <sup>00</sup> 04'15"	2,3
8	Bến Nam Hải	0,52	107 <sup>00</sup> 45'13"; 21 <sup>00</sup> 00'43"	3,3	VII	<b>Khu vực Tuần Châu</b>			
9	Khu Đầm Cóc, xã Đoàn Kết	0,1	107 <sup>00</sup> 23'20"; 21 <sup>00</sup> 03'38"	1,4	1	Cảng tàu Tuần Châu (điểm neo đậu tránh trú bão dành cho tàu du lịch tham quan và lưu trú): Tọa độ 20 <sup>00</sup> 55'66" vĩ độ Bắc, 106 <sup>00</sup> 43'86" kinh độ Đông; diện tích mặt nước âu tàu 65,96 ha; mực nước âu tàu TB 6m, có khu vực sâu 16,0 m; mực nước luồng lạch sâu TB 3,0 m			
10	Khu Ổ Lợn, xã Minh Châu	1,0	107 <sup>00</sup> 34'15"; 21 <sup>00</sup> 59'13"	2,9					
11	Cống Đình, xã Minh Châu	0,1	107 <sup>00</sup> 32'49"; 21 <sup>00</sup> 56'11"	1,0					



TT	Địa danh	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Tọa độ	MNTB (m)	TT	Địa danh	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Tọa độ	MNTB (m)
<b>VIII</b>	<b>Khu vực Cẩm Phả</b>				<b>X</b>	<b>Khu vực Uông Bí</b>			
1	Bến Cẩm Y	0,36	107 <sup>0</sup> 21'58"; 21 <sup>0</sup> 04'29"	3,2	1	Bến cảng Điền Công	0,400	106 <sup>0</sup> 45'38"; 20 <sup>0</sup> 59'37"	2,2
2	Mông Dương	0,48	107 <sup>0</sup> 22'09"; 21 <sup>0</sup> 03'43"	4,6	2	Khu vực Đồng Mương	0,014	106 <sup>0</sup> 47'35"; 21 <sup>0</sup> 01'24"	2,3
3	Cảng Khe Dây	0,88	107 <sup>0</sup> 22'07"; 21 <sup>0</sup> 02'46"	5,4	3	Bến Sông Uông	0,006	106 <sup>0</sup> 47'02"; 21 <sup>0</sup> 01'50"	1,5
4	Vũng Hoa	0,9	107 <sup>0</sup> 22'09"; 21 <sup>0</sup> 03'43"	5,7	4	Cảng xi măng Lam Thạch	0,160	106 <sup>0</sup> 41'48"; 21 <sup>0</sup> 01'08"	3,3
5	Bến cá Cửa Ông	0,6	107 <sup>0</sup> 22'59"; 21 <sup>0</sup> 02'40"	3,4	5	Cổng Núi Rùa	0,022	106 <sup>0</sup> 43'57"; 21 <sup>0</sup> 00'18"	1,4
6	Vũng Đục	1,6	107 <sup>0</sup> 17'49"; 20 <sup>0</sup> 59'22"	3,7	6	Cổng 5 cửa	0,005	106 <sup>0</sup> 40'48"; 21 <sup>0</sup> 00'36"	4,1
7	Vũng Bầu	0,06	107 <sup>0</sup> 13'20"; 20 <sup>0</sup> 58'44"	4,4	<b>XI</b>	<b>Khu vực Quảng Yên</b>			
8	Cẩm Thủy * (đã xây dựng xong)	0,3	107 <sup>0</sup> 15'06"; 20 <sup>0</sup> 59'11"	3,3-3,9	1	Bến Nam Hòa	0,009	106 <sup>0</sup> 47'55"; 20 <sup>0</sup> 56'07"	2,7
<b>IX</b>	<b>Khu vực Tiên Yên</b>				2	Bến Cống Vông	0,04	106 <sup>0</sup> 48'24"; 20 <sup>0</sup> 54'45"	2,4
1	Cảng Vạn Hoa	0,06	107 <sup>0</sup> 35'42"; 21 <sup>0</sup> 17'21"	2,4	3	Bến Cống Mương	0,06	106 <sup>0</sup> 49'50"; 20 <sup>0</sup> 54'45"	3,5
2	Mũi Chùa	0,0154	107 <sup>0</sup> 27'04"; 21 <sup>0</sup> 17'05"	4,2	4	Bến Hà An	0,23	106 <sup>0</sup> 50'41"; 20 <sup>0</sup> 54'27"	3,8
3	Cái Mất	0,1125	107 <sup>0</sup> 26'39"; 21 <sup>0</sup> 17'10"	2,6	5	Bến Nhà máy sứ Quảng Yên	0,2	106 <sup>0</sup> 49'20"; 20 <sup>0</sup> 56'05"	2,1
4	Bến Châu	0,0126	107 <sup>0</sup> 23'59"; 21 <sup>0</sup> 19'49"	2,8	6	Bến Giang	0,28	106 <sup>0</sup> 52'56"; 20 <sup>0</sup> 55'53"	3,0
5	Bến Nu Hàn	0,048	107 <sup>0</sup> 25'08"; 21 <sup>0</sup> 19'10"	2,3					

**Tổng số: 66 khu neo đậu có diện tích khoảng 16,10 km<sup>2</sup>**

**Ghi chú: (\*)** Vị trí neo đậu tự nhiên đã được đầu tư nâng cấp thành Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá



**Phụ lục 03: MUA SẴM VẬT TƯ PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TAI ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 106 /KH-UBND ngày 11 / 6 /2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Loại Vật tư, trang thiết bị	ĐVT	Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
1	Vải bạt chống sóng	m <sup>2</sup>	50.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
2	Đá hộc	m <sup>3</sup>	500	100	100	100	100	100
3	Bao tải	cái	45.000	10.000	10.000	10.000	10.000	5.000
4	Rọ thép	cái	3.000	1.000	500	500	500	500
5	Dây thép	kg	500	100	100	100	100	100
6	Vải lọc	m <sup>2</sup>	1.000	200	200	200	200	200
7	Tàu cao tốc tuần tra kết hợp TKCN trên biển, chịu được gió cấp 8	Chiếc	5	1	1	1	1	1
8	Ca nô, xuồng máy các loại	Chiếc	25	5	5	5	5	5
9	Xuồng cứu sinh	Chiếc	60	15	10	10	10	15
10	Xuồng cao su	Chiếc	120	25	25	20	25	25
11	Nhà bạt các loại	Bộ	600	150	100	100	100	150
12	Phao áo cứu sinh	Chiếc	7.000	2.000	1.000	1.000	1.000	2.000
13	Phao tròn cứu sinh các loại (theo tiêu chuẩn DTQG)	Chiếc	7.000	2.000	1.000	1.000	1.000	2.000
14	Phao bè các loại (theo TC DTQG)	Chiếc	400	50	50	100	100	100